



Cô: Thủy Lê



- Các thành phần của phép cộng, phép trừ
- Hơn kém nhau bao nhiêu



Bài 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

a. Hiệu của 50 và 30 là:

- A. 80 B. 10 C. 20 D. 2

b. Tổng của 25 và 4 là:

- A. 21 B. 68 C. 21 D. 29

c. Số liền sau của 99 là:

- A. 97 B. 98 C. 99 D. 100

d. $87 - 22 = \dots\dots\dots$ Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

- A. 56 B. 65 C. 55 D. 66

e. Hiệu của số lớn nhất có 2 chữ số và số liền trước của 9 là:

- A. 90 B. 91 C. 99 D. 8

f. Số trừ là 23, số bị trừ là 68 thì hiệu là:

- A. 45 B. 91 C. 85 D. 35

g. Số liền sau của 65 là:

- A. 64 B. 63 C. 66 D. 67

h. Hiệu của 32 và số tròn chục liền trước nó là:

- A. 63 B. 1 C. 2 D. 62

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a. Tổng của 7 và 28 cũng bằng tổng của 8 và 27 ☐

b. Nếu số bị trừ là số lớn nhất có hai chữ số và số trừ là số nhỏ nhất có một chữ số thì hiệu là 10 ☐

c. $60\text{cm} + 2\text{cm} = 62\text{cm}$ ☐

Bài 3. Điền số thích hợp và chỗ chấm:

- Trong một phép trừ có số bị trừ bằng số trừ thì hiệu là:
- Trong một phép trừ có số bị trừ bằng hiệu thì số trừ là:

Bài 4. Tính nhẩm:

$8 + 2 + 13 = \dots$

$70 - 50 + 20 = \dots$

$90 - 10 - 30 = \dots$

$6 + 17 + 4 = \dots$

$26 + 10 - 6 = \dots$

$76 - 6 - 10 = \dots$

Bài 5. Điền số thích hợp vào ô trống.

$13 + 6 = 15 + \square$

$33 + 6 = 33 + 4 + \square$

$25 - 3 = 20 + \square$

$65 + 2 = 65 + 2 + \square$

$50 + \square = 52 + 7$

$72 + 5 = 72 + 3 + \square$

Bài 6. Điền dấu cộng (+) hoặc dấu trừ (-) vào ô trống để được kết quả đúng:

a. $40 \square 30 \square 20 = 30$

b. $90 \square 80 \square 30 \square 10 \square 50 = 100$

Bài 7. Nam đọc một quyển truyện dày 96 trang. Nam đã đọc được 45 trang. Hỏi Nam còn bao nhiêu trang chưa đọc?



Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Nam còn $\square$ trang chưa đọc.

Thư viện truyện cổ tích - Cơm mầm tương lai

Bài 8. Tính tổng của hai số, biết số thứ nhất là số liền trước số 36, số thứ hai là số tròn chục liền sau số 52.

Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Bài 9. Tính hiệu của số lớn nhất có hai chữ số và số 25.

Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Bài 10. Tính hiệu của số lớn nhất có hai chữ số khác nhau và số tròn chục lớn nhất có hai chữ số.

Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Bài 11. Lớp Hà có 15 bạn nữ và 10 bạn nam. Hỏi số bạn nữ hơn số bạn nam mấy bạn?



Bài giải

Số bạn nữ hơn số bạn nam là:

$$\square \ominus \square = \square \text{ (bạn)}$$

Đáp số: $\square$ bạn

Bài 12. Trong dịp thi đua trồng cây bóng mát. Tùng trồng được 9 cây. Mai trồng được 5 cây. Hỏi số cây Mai trồng kém số cây Tùng trồng mấy cây?



Bài giải

Số cây Mai trồng kém số cây Tùng trồng là:

$$\square \ominus \square = \square \text{ (cây)}$$

Đáp số: $\square$ cây bóng mát

Bài 13. Mẹ may được 8 cái khẩu trang, chị may được 5 cái khẩu trang. Hỏi số khẩu trang mẹ may hơn số khẩu trang chị may mấy cái?



Bài giải

Số khẩu trang mẹ may hơn số khẩu trang chị may là:

$$\square \ominus \square = \square \text{ (cái)}$$

Đáp số: $\square$ cái khẩu trang

Bài 14. Năm nay Hà 8 tuổi, bé Uyên 5 tuổi. Hỏi Hà hơn bé Uyên bao nhiêu tuổi?



Bài giải

Hà hơn bé Uyên số tuổi là:

$$\square \ominus \square = \square \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: $\square$ tuổi

Bài 15. Điền số thích hợp vào ô trống, biết tổng các số trong mỗi hàng, mỗi cột đều bằng 90.

10	30	
	60	
60		

Bài 16.

- Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là:
- Số tròn chục bé nhất có hai chữ số là:
- Tổng của hai số đó là:
- Hiệu của hai số đó là:



Bài 17. Cho 3 chữ số: 2, 8, 6.

- + Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau được lập từ các chữ số trên là:.....
- + Số bé nhất có hai chữ số khác nhau được lập từ các chữ số trên là:...
- + Hiệu của hai số đó là:.....

Bài 18. Tổng hai số là 50. Nếu giữ nguyên số hạng thứ nhất và tăng số hạng thứ hai lên 10 đơn vị thì tổng mới là

Bài 19. Tổng hai số là 50. Nếu mỗi số hạng đều tăng lên 10 đơn vị thì tổng mới là

Bài 20. Tổng hai số là 50. Nếu số hạng thứ nhất tăng lên 10 đơn vị, số hạng thứ hai bớt đi 10 đơn vị thì tổng mới là

Chúc mừng các em đã hoàn thành bài tập!